

Số: 50/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới
tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025 và năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây
dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình
mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực
hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;*

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 như sau:

1. Phân bổ 73.260 triệu đồng (bảy mươi ba tỷ, hai trăm sáu mươi triệu đồng) vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 (phân bổ năm 2022)

a) Phân bổ cho huyện Nho Quan và huyện Kim Sơn để hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 và năm 2022: 40.000 triệu đồng (bốn mươi tỷ đồng), gồm:

- Các xã: Thạch Bình, Kỳ Phú, Phú Long, Quảng Lạc, Thượng Hòa, huyện Nho Quan, mức phân bổ 3.000 triệu đồng/xã.

- Các xã: Hội Ninh, Kim Hải, Kim Trung, Kim Mỹ, Kim Tân, huyện Kim Sơn, mức phân bổ 5.000 triệu đồng/xã.

b) Phân bổ theo điểm số cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: 33.260 triệu đồng (ba mươi ba tỷ, hai trăm sáu mươi triệu đồng)

(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo)

2. Phân bổ 481.000 triệu đồng (bốn trăm tám mươi một tỷ đồng) vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025

a) Phân bổ thực hiện các chương trình chuyên đề và nội dung thành phần thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 48.100 triệu đồng (bốn mươi tám tỷ, một trăm triệu đồng).

b) Phân bổ theo điểm số: 432.900 triệu đồng (bốn trăm ba mươi hai tỷ, chín trăm triệu đồng).

- Phân bổ thực hiện nhiệm vụ tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: 147.962 triệu đồng (một trăm bốn mươi bảy tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu đồng).

- Phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: 284.938 triệu đồng (hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu đồng)

(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)

3. Phân bổ 80.000 triệu đồng (tám mươi tỷ đồng) vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh năm 2022 cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua. / .*U*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Công báo tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quảng



Phụ lục I:

**PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

TT	Nội dung, đơn vị	Phân bổ giai đoạn 2021-2025				Phân bổ năm 2022			
		Điểm số phân bổ (điểm)	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Chia ra:		Điểm số phân bổ (điểm)	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Chia ra:	
				Phân bổ theo định mức (triệu đồng)	Phân bổ theo điểm số (triệu đồng)			Phân bổ theo định mức (triệu đồng)	Phân bổ theo điểm số (triệu đồng)
A	Tổng kinh phí		73.260	40.000	33.260		73.260	40.000	33.260
B	Tổng điểm số	244,2				244,2			
C	Kinh phí bình quân 01 điểm số		136,2		136,2		136,2		136,2
D	Phân bổ cho các huyện, thành phố	244,2	73.260	40.000	33.260	244,2	73.260	40.000	33.260
1	Huyện Gia Viễn	50,0	6.810	0	6.810	50,0	6.810	0	6.810
2	Huyện Hoa Lư	31,0	4.222	0	4.222	31,0	4.222	0	4.222
3	Huyện Kim Sơn	35,0	29.767	25.000	4.767	35,0	29.767	25.000	4.767
4	Huyện Nho Quan	40,2	20.475	15.000	5.475	40,2	20.475	15.000	5.475
5	Huyện Yên Khánh	49,0	6.674	0	6.674	49,0	6.674	0	6.674
6	Huyện Yên Mô	29,0	3.950	0	3.950	29,0	3.950	0	3.950
7	Thành phố Ninh Bình	5,0	681	0	681	5,0	681	0	681
8	Thành phố Tam Điệp	5,0	681	0	681	5,0	681	0	681

Phụ lục II:
PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

TT	Nội dung	Điểm số tính phân bổ GD 2021-2025 (điểm)	Phân bổ giai đoạn 2021-2025		
			Tổng kinh phí phân bổ GD 2021-2025 (triệu đồng)	Kinh phí phân bổ năm 2022 (triệu đồng)	Kinh phí phân bổ GD 2023-2025 (triệu đồng)
A	Tổng kinh phí		481.000	80.000	401.000
B	Kinh phí thực hiện các chương trình chuyên đề và nội dung thành phần thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM		48.100		48.100
C	Kinh phí phân bổ theo điểm số		432.900	80.000	352.900
C.1	Tổng điểm số	386,2			
C.2	Kinh phí bình quân 01 điểm số		1.120,9		
C.3	Phân bổ cụ thể		432.900	80.000	352.900
I	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024	132,0	147.962		147.962
II	Phân bổ cho các huyện, thành phố	254,2	284.938	80.000	204.938
1	Huyện Gia Viễn	50,0	56.046	15.736	40.310
2	Huyện Hoa Lư	31,0	34.748	9.756	24.992
3	Huyện Kim Sơn	40,0	44.837	12.588	32.249
4	Huyện Nho Quan	45,2	50.665	14.225	36.440
5	Huyện Yên Khánh	49,0	54.925	15.420	39.505
6	Huyện Yên Mô	29,0	32.507	9.127	23.380
7	Thành phố Ninh Bình	5,0	5.605	1.574	4.031
8	Thành phố Tam Điệp	5,0	5.605	1.574	4.031

Phụ lục III:

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Phân bổ vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2022			Phân bổ vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2023-2025		
		Tổng số	Nguồn NSTW	Nguồn NS tỉnh	Tổng số	Nguồn NSTW	Nguồn NS tỉnh	Tổng số	Nguồn NSTW	Nguồn NS tỉnh
	TỔNG CỘNG	554.260	73.260	481.000	153.260	73.260	80.000	401.000	0	401.000
A	Kinh phí thực hiện các chương trình chuyên đề và nội dung thành phần thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	48.100		48.100	0	0	0	48.100		48.100
B	Kinh phí phân bổ theo điểm số	506.160	73.260	432.900	153.260	73.260	80.000	352.900	0	352.900
I	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024	147.962	0	147.962	0	0		147.962	0	147.962
II	Phân bổ cho huyện, thành phố	358.198	73.260	284.938	153.260	73.260	80.000	204.938	0	204.938
1	Huyện Gia Viễn	62.856	6.810	56.046	22.546	6.810	15.736	40.310	0	40.310
2	Huyện Hoa Lư	38.970	4.222	34.748	13.978	4.222	9.756	24.992	0	24.992
3	Huyện Kim Sơn	74.604	29.767	44.837	42.355	29.767	12.588	32.249	0	32.249
4	Huyện Nho Quan	71.140	20.475	50.665	34.700	20.475	14.225	36.440	0	36.440
5	Huyện Yên Khánh	61.599	6.674	54.925	22.094	6.674	15.420	39.505	0	39.505
6	Huyện Yên Mô	36.457	3.950	32.507	13.077	3.950	9.127	23.380	0	23.380
7	Thành phố Ninh Bình	6.286	681	5.605	2.255	681	1.574	4.031	0	4.031
8	Thành phố Tam Điệp	6.286	681	5.605	2.255	681	1.574	4.031	0	4.031